

Số: /BC-TTYT

TP Cao Lãnh, ngày tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 135/KH-SYT ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp, Kế hoạch Kiểm tra các đơn vị y tế tỉnh Đồng Tháp năm 2023.

Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh báo cáo kết quả tự chấm điểm tại đơn vị, với kết quả như sau:

I. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Trung tâm Y tế đã ban hành các Kế hoạch, quyết định để triển khai thực gồm:

- Kế hoạch số 194/KH-TTYT ngày 23/10/2023 của Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh, về việc Kiểm tra công tác quản lý và các hoạt động tại Trạm Y tế xã, phường cuối năm 2023.

- Quyết định số 293/QĐ-TTYT ngày 22/12/2023 của Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh, Quyết định về việc thành lập Tổ kiểm tra đánh giá chất lượng Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh năm 2023.

II. KẾT QUẢ

1. Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh

1.1 Bảng điểm tự chấm điểm các tiêu chí Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh năm 2023 (phiên bản 2.0 ban hành kèm theo Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế) Phụ lục 1 chi tiết đính kèm.

MỨC CHỈ TIÊU	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng số chỉ tiêu	Mức đạt trung tâm
TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN							
Số lượng chỉ tiêu đạt	3	15	23	12	0	53	2.86
Tổng điểm tự chấm	3	30	69	48	0	143	
Tỷ lệ các mức đạt	5.7	28.3	43.4	22.6	0	100	

TIÊU CHÍ HOẠT ĐỘNG Y TẾ DỰ PHÒNG							
Số lượng chỉ tiêu đạt	0	07	02	03	02	14	3.00
Tổng điểm kiểm tra	0	14	06	12	08	40	
Tỷ lệ các mức đạt	0	50.0	14.3	21.4	14.3	100	

Kết quả tiêu chí chất lượng bệnh viện 2.83/2.69 so với kết quả tự chấm năm 2022. Tiêu chí chất lượng hoạt động dự phòng 3.00/2.86 so với kết quả tự chấm năm 2022. Kết quả chất lượng bệnh viện và chất lượng hoạt động dự phòng tăng so với năm 2022.

Thực hiện các chỉ tiêu:

TT	Chỉ tiêu	KH 2023	TH năm 2023	So sánh cùng kỳ 2022 (%)	Đánh giá
1	Tỷ lệ áp có nhân viên y tế (%)	100	100	100	Đạt
2	Tỷ lệ xã, phường có bác sĩ (%)	100	100	100	Đạt
3	Tỷ lệ xã có NHS hoặc YSSN (%)	100	100	100	Đạt
4	Tỷ lệ TE <1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ (%)	≥ 95	82,26	↓9,5	Chưa Đạt
5	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia y tế (%)	100	100	100	Đạt
6	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT (%)	95	96,47	↑1,56	Đạt
7	Tỷ suất tử vong mẹ (/100.000 trẻ đẻ sống)	Hạn chế thấp nhất	0	0	Đạt
8	Tỷ số giới tính khi sinh (trai/100 gái)	103-107	104,27%	↑1,23	Đạt
9	Tỷ lệ SDD trẻ em < 5t CN/Tuổi (%)	≤ 10,08	9,97%	↓0,11	Đạt
10	Tỷ lệ SDD trẻ em < 5t CC/Tuổi (%)	≤ 11,91	11,81%	↓0,1	Đạt

2. Trạm Y tế xã, phường

2.1 Về Bộ Tiêu chí Quốc gia (Theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 và Quyết định số 1453/QĐ-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ Y tế về việc đính chính Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030)

Kết quả 15/15 Trạm Y tế xã, phường duy trì đạt Bộ tiêu chí Quốc gia y tế xã.

2.2. Về Tiên tiến Y học cổ truyền:

Tất cả 15/15 TYT xã, phường đạt tiên tiến YHCT, xếp loại tốt.

2.3. Xanh – Sạch – Đẹp:

Tất cả 15/15 TYT xã, phường đều xanh sạch đẹp.

2.4. Cải cách hành chính:

Tất cả 15/15 TYT xã, phường xếp loại tốt về Cải cách hành chính.

3. Hoạt động tổ Công đoàn:

+ 06/23 Tổ công đoàn Khoa, Phòng, TYT xã, phường xếp loại vững mạnh xuất sắc (Phòng KH-TC; Phòng HC-TH, Khoa YTCC-ATTP, Phường 2; Phường 11, Tịnh Thới).

+ 17/23 Tổ công đoàn Khoa, Phòng, TYT xã, phường xếp loại vững mạnh (Khoa khám bệnh, Khoa CSSKSS&PS, Khoa KSBT&HIV/AIDS, Khoa Dược-Trang thiết bị- Vật tư y tế, Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh, Phường 1, Phường 3, Phường 4, Phường 6, Hòa An, Hòa Thuận, Tân Thuận Tây, Tân Thuận Đông, Mỹ Trà, Mỹ Tân, Mỹ Ngãi, Mỹ Phú).

III. NHẬN XÉT

3.1. Ưu điểm:

- Trung tâm Y tế và TYT xã, phường đã tham mưu tốt với Đảng ủy, UBND Thành phố và xã, phường. Ngoài ra đơn vị còn được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ huy động nguồn lực tham gia công tác CSSKND, nhất là công tác phòng chống dịch bệnh.

- 100% Trạm Y tế duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã, 100% TYT đạt bộ tiêu chí YHCT tiên tiến.

- Đơn vị đã thực hiện chuyên môn duy trì tốt.

- Hoạt động Công đoàn luôn được duy trì thường xuyên, quan tâm chăm lo đời sống viên chức tại đơn vị.

- Cơ sở y tế “Xanh – Sạch – Đẹp: Đảm bảo thực hiện các tiêu chí Xanh – Sạch – Đẹp, phân loại, thu gom, bảo quản rác thải đúng quy định.

3.2. Tồn tại, khó khăn:

- Danh mục trang thiết bị chưa đầy đủ về chủng loại và số lượng theo Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế.

- Số ca mắc bệnh TCM, HIV/AIDS tăng hơn so với năm 2022.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng các loại vắc-xin phổ cập theo quy định của Bộ Y tế và tiêm ngừa uốn ván cho phụ nữ có thai của một số Trạm Y tế chưa đạt so với chỉ tiêu do nguồn vắc xin không đủ.

- Triển khai các biện pháp phòng chống bệnh không lây nhiễm chưa đạt chỉ tiêu về công tác quản lý và điều trị.

- Tỷ lệ phụ nữ sinh đủ 02 con toàn Thành phố đạt kết quả thấp do đời sống kinh tế khó khăn người dân ngại sinh thêm con đặc biệt các cặp vợ chồng trẻ.

IV. GIẢI PHÁP

- Tiếp tục tăng cường tham mưu cấp Đảng ủy, UBND, Ban bảo vệ CSSKND thành phố và xã, phường để huy động nguồn lực tập trung cho công tác phòng chống dịch bệnh, phối hợp với các ban ngành đoàn thể tuyên truyền vận động người dân phòng chống dịch bệnh, công tác Dân số và phát triển trong tình hình mới.

- Khắc phục tiêu chí mức 1 tiêu chí mức 2 cần phải xây dựng các kế hoạch cải thiện các tiêu chí ở mức thấp. Duy trì các tiêu chí ở mức 3, 4 và nâng lên các tiêu chí mức 5.

- Tiếp tục phát huy môi trường Trạm Y tế “Xanh – Sạch – Đẹp”, thực hiện tốt Quy tắc ứng xử của ngành y tế, văn hóa giao tiếp, “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng người bệnh” để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh góp phần thu hút bệnh nhân.

IV. KIẾN NGHỊ

- Tiếp tục hỗ trợ đơn vị để đạt được nhiều các mục tiêu trong năm 2024.

- Mở lớp đào tạo đội ngũ nhân viên y tế khóm, áp để bổ sung thay thế cho phần lớn các cô, chú nhân viên y tế khóm, áp lớn tuổi.

- Đề xuất Hội Y học Tỉnh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, các Bệnh viện tuyến tỉnh,... mở thêm các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho tất cả các chức danh hiện có ở cơ sở để đảm bảo đủ số giờ theo quy định.

- Đề xuất Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh hướng dẫn cụ thể cho xã, phường thực hiện công tác quản lý và điều trị bệnh không lây nhiễm *theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế*.

- Đề xuất bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Tháp hướng dẫn cụ thể thực hiện giữa công tác quản lý và điều trị bệnh nhân Lao.

- Ngành cấp trên cần có chính sách hỗ trợ cho các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 con nói riêng cũng như công tác Dân số và phát triển nói chung để đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện năm 2023 của Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế ĐT(b/c);
- Khoa, phòng TTYT;
- Website TTYT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Trương Quốc Dũng

Phụ lục 1: BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN CỦA TTYT TP CAO LÃNH NĂM 2023 (phiên bản 2.0 ban hành kèm theo Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/ 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế) (Kèm theo Báo cáo số: /BC-TTYT ngày /01/ 2024 của TTYT TPCL)

1. Công tác triển khai tự kiểm tra

1.1 Tiêu chí chất lượng bệnh viện

STT	TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN		Điểm 2022	Điểm 2023	Tăng/ giảm
PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)					
CHƯƠNG A1. CHỈ DẪN, ĐÓN TIẾP, HƯỚNG DẪN NGƯỜI BỆNH (6)					
1	A1.1	Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn khoa học, cụ thể	4	4	0
2	A1.2	Người bệnh, người nhà người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật	3	4	+1
3	A1.3	Cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh	3	3	0
4	A1.4	Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời	3	3	0
5	A1.5	Người bệnh được làm các thủ tục đăng ký, khám bệnh theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên	3	3	0
6	A1.6	Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện	3	3	0
CHƯƠNG A3. ĐIỀU KIỆN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH (2)					
12	A3.1	Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	3	3	0
13	A3.2	Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp	3	3	0
CHƯƠNG A4. QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI BỆNH (6)					
14	A4.1	Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị	3	4	0
15	A4.2	Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư	3	4	0
16	A4.3	Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác	3	3	0
17	A4.4	Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế	2	2	0
18	A4.5	Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời	4	4	+1

STT	TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN		Điểm 2022	Điểm 2023	Tăng/giảm
19	A4.6	Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp	3	3	
PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN(14)					
CHƯƠNG B1. SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (3)					
20	B1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện	3	3	0
21	B1.2	Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện	3	4	+1
22	B1.3	Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp và xác định vị trí việc làm của nhân lực bệnh viện	3	3	0
CHƯƠNG B2. CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC (3)					
23	B2.1	Nhân viên y tế được đào tạo liên tục và phát triển kỹ năng nghề nghiệp	2	2	0
24	B2.2	Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức	3	3	0
25	B2.3	Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực	4	4	0
CHƯƠNG B3. CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ VÀ ĐIỀU KIỆN, MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC (4)					
26	B3.1	Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế	3	3	0
27	B3.2	Bảo đảm điều kiện làm việc và vệ sinh lao động cho nhân viên y tế	4	4	
28	B3.3	Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện	3	3	
29	B3.4	Tạo dựng môi trường làm việc tích cực và nâng cao trình độ chuyên môn	4	4	0
CHƯƠNG B4. LÃNH ĐẠO BỆNH VIỆN (4)					
30	B4.1	Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai	3	4	+1
31	B4.2	Triển khai thực hiện văn bản chỉ đạo dành cho bệnh viện	4	4	
32	B4.3	Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện	3	3	
33	B4.4	Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận	4	4	
PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)					
CHƯƠNG C1. AN NINH, TRẬT TỰ VÀ AN TOÀN CHÁY NỔ (2)					
34	C1.1	Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện	3	3	0
35	C1.2	Bảo đảm an toàn điện và phòng cháy, chữa cháy	2	2	0

STT	TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN		Điểm 2022	Điểm 2023	Tăng/giảm
CHƯƠNG C3. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN Y TẾ (2)					
38	C3.1	Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế	3	3	0
39	C3.2	Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn	3	3	0
CHƯƠNG C4. PHÒNG NGỪA VÀ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN (6)					
40	C4.1	Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn	2	2	0
41	C4.2	Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	2	2	0
42	C4.3	Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ vệ sinh tay	2	2	0
43	C4.4	Giám sát, đánh giá việc triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	2	2	0
44	C4.5	Chất thải rắn y tế được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	3	2	-1
45	C4.6	Chất thải lỏng y tế được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	2	2	0
CHƯƠNG C5. CHẤT LƯỢNG LÂM SÀNG (5)					
46	C5.1	Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật	1	1	0
47	C5.2	Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới	2	2	0
48	C5.3	Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng	2	2	0
49	C5.4	Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị	2	2	0
50	C5.5	Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện	2	2	0
CHƯƠNG C8. CHẤT LƯỢNG XÉT NGHIỆM (2)					
59	C8.1	Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm theo phân tuyến kỹ thuật	3	3	0
60	C8.2	Thực hiện quản lý chất lượng các xét nghiệm	2	2	0
CHƯƠNG C9. QUẢN LÝ CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG THUỐC (6)					
61	C9.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược	4	4	0
62	C9.2	Bảo đảm cơ sở vật chất và các quy trình kỹ thuật cho hoạt động dược	3	3	0
63	C9.3	Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng	3	3	0
64	C9.4	Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	3	3	0

STT	TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN		Điểm 2022	Điểm 2023	Tăng/giảm
65	C9.5	Thông tin thuốc, theo dõi và báo cáo phản ứng có hại của thuốc kịp thời, đầy đủ và có chất lượng	3	2	0
66	C9.6	Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả	2	2	0
CHƯƠNG C10. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (2)					
67	C10.1	Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học	1	1	0
68	C10.2	Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào việc cải tiến chất lượng khám, chữa bệnh và nâng cao hoạt động bệnh viện	1	1	0

1.2 Tiêu chí hoạt động y tế dự phòng

TT	PHẦN, CHƯƠNG, MÃ SỐ, TÊN TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG		Điểm 2022	Điểm 2023	Tăng/giảm
PHẦN F. TIÊU CHÍ HOẠT ĐỘNG Y TẾ DỰ PHÒNG					
1	F1	Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	3	3	0
2	F2	Hoạt động phòng chống bệnh xã hội.	3	2	-1
3	F3	Hoạt động phòng chống các bệnh truyền nhiễm.	2	2	0
4	F4	Hoạt động tiêm chủng và giám sát các bệnh có vắc xin tiêm chủng của trẻ.	2	2	0
5	F5	Hoạt động phòng ngừa các bệnh không lây nhiễm- dinh dưỡng	2	2	0
6	F6	Hoạt động Phòng chống TNTT-VSLĐ&SKNLĐ	2	2	0
5	F7	Hoạt động Y tế trường học-quản lý chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt và nhà tiêu hộ gia đình	2	2	0
8	F8	Hoạt động Dân số-Kế hoạch hóa gia đình	3	4	+1
9	F9	Hoạt động Y Dược cổ truyền	2	3	+1
10	F10	Hoạt động Phục hồi chức năng	2	2	0
	F11	Hoạt động an toàn vệ sinh thực phẩm			
	F11.1	Công tác quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm	5	5	0
	F11.2	Công tác xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	4	4	0
	F11.3	Công tác truyền thông đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	4	4	0
	F11.4	Công tác báo cáo thanh kiểm tra đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	4	5	+1

**Phụ lục 2. BẢNG KẾT QUẢ KIỂM TRA TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG CUỐI
NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-TTYT ngày /01/2024 của TTYT TPCL)

Số TT		Hạng	Ghi chú
1	Tân Thuận Đông	1	
2	Phường 2	2	
3	Mỹ Ngãi	3	
4	Phường 1	4	
5	Hòa An và Tân Thuận Tây	5	
6	Hòa Thuận	6	
7	Mỹ Phú	7	
8	Phường 6, Mỹ Tân và Mỹ Trà	8	
9	Phường 3	9	
10	Phường 11	10	
11	Tịnh Thới	11	
12	Phường 4	12	